

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA
ILA JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 01/2019/CBTT/ILA
No: 01/2019/CBTT/ILA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2019
HoChiMinh City, day 20 month 01 year 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: The State Securities Commission
Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN ILA
- Mã chứng khoán/Stock code: ILA
- Địa chỉ/Address: Số 20 Đường 20, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 028 22535959 Fax:
- E-mail:
2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure: Báo cáo tài chính quý IV/2018
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/01/2019 tại đường dẫn:<http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/cong-bo-thong-tin>

*This information was published on the company's website on 20/01/2019, as in the link:
<http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/cong-bo-thong-tin>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

*** Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Báo cáo tài chính quý IV/2018 của CTCP ILA

Người Ủy quyền CBTT
Person to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



ĐẶNG XUÂN HỮU

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Quý trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	15,883,103,636	2,529,348,364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		15,883,103,636	2,529,348,364
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	11,640,870,563	1,893,893,818
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4,242,233,073	635,454,546
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	82,568	657,594,069
7. Chi phí tài chính	22	VII.5		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	469,735,942	315,105,282
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		3,772,579,699	977,943,333
11. Thu nhập khác	31	VII.6	57,423,856	904,600,000
12. Chi phí khác	32	VII.7	5,022,000	924,093,566
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		52,401,856	(19,493,566)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3,824,981,555	958,449,767
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	764,996,311	191,689,953
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3,059,985,244	766,759,814
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

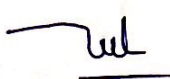
Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Ngày tháng năm

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Giám đốc


TRIỆU QUANG PHÚ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2018

Đơn vị tính: VND

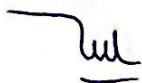
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Quý trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		11,440,082,568	11,607,311,266
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(20,930,520,100)	(5,622,037,165)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(158,350,502)	(241,154,966)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1,500,000,000)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		69,447,495,898	2,555,338,541
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7,131,195,633)	(6,659,951,110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		51,167,512,231	1,639,506,566
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(52,800,000,000)	(1,600,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2,100,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(50,700,000,000)	(1,600,000,000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		467,512,231	39,506,566
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		392,771,056	353,264,490
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			



Công Ty Cổ Phần ILA
20 Đường 20 ,Khu Phố 2,Phường Bình An,Quận 2,TP.HCM

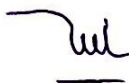
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Quý trước
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VIII	860,283,287	392,771,056

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Lập, Ngày tháng năm

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



TRIỆU QUANG PHÚ

